

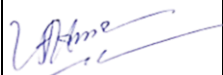
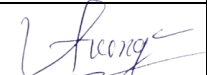
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Mai Thị Phương	Hiệu trưởng- Bí thư chi bộ	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Thu Hường	Phó Hiệu trưởng- Chủ tịch công đoàn	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Trần Thị Vui	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
4	Phạm Phương Thảo	Tổ phó tổ mẫu giáo Lớn – Nhỡ – Ghép	Thư kí hội đồng	
5	Nguyễn Hồng Quyên	Tổ trưởng tổ mẫu giáo Lớn- Ghép	Ủy viên hội đồng	
6	Mai Thị Hằng	Tổ trưởng tổ Nhà trẻ – MGB	Ủy viên hội đồng	
7	Điền Thị Tuyết	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
8	Trần Thị Chinh	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Thị Quỳnh	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
10	Quảng Thị Thủy	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
11	Ngô Mỹ Hường	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu:	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	26
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	28
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	38
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	40
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	42
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	44
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	46
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	46
Mở đầu	47
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	47
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	50
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với	54

trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội	57
Mở đầu	58
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	59
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức cá nhân của nhà trường	61
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	65
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ	68
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	70
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	74
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	76
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	76
Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và đào tạo.	76
Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp...	78
Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi ...	79
Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố...	81
Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá...	83
Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá...	85
Kết luận tiêu chí mức 4	86
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	86

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
2	CBQL	Cán bộ quản lý
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSGD	Chăm sóc giáo dục
5	GDMN	Giáo dục mầm non
6	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
7	GVMN	Giáo viên mầm non
8	HĐ	Hội đồng
9	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
10	MN	Mầm non
11	QĐ-UBND	Quyết định - Ủy ban nhân dân
12	UBND	Ủy ban nhân dân
13	XHH GD	Xã hội hoá giáo dục

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc không đạt)

1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 22 tiêu chí)

Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí)

Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí)

2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2		x	

Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: đạt 03/06 tiêu chí.

2. Kết luận: Trường đạt mức 3.

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non xã Thanh An.

Tên trước đây: Trường Mầm non xã Thanh An.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Điện Biên	Họ và tên Hiệu trưởng	Mai Thị Phương
Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố	Điện Biên	Điện thoại	0963094281
Xã/Phường/Thị trấn	xã Thanh An	Fax	
Đạt CQG	Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018	Website	https://mnthanhan.huyen.dienbien.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Ngày 01 tháng 8 năm 2007	Số điểm trường	03
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Nhóm trẻ từ 13-24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 24-36 tháng tuổi	4	4	4	4	3
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	3	4	4	4	3
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	2	2	2	3
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	2	2	2	2	2
Lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi	2	1	0	0	0
Lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi	2	2	2	2	3
Lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi	1		1	1	0
Cộng	16	15	15	15	14

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	16	15	15	15	14	
1	Phòng kiên cố	16	15	15	15	14	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học	3	3	3	3	3	

	tập						
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	8	9	9	9	10	
1	Phòng kiên cố	8	9	9	9	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	2	2	2	2	2	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng	29	29	29	29	29	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Ghi chú
Hiệu trưởng	1	1				1	
Phó hiệu trưởng	2	2				2	
Giáo viên	29	29	8		1	28	
Nhân viên	6	6		4	1	1	
Cộng	38	38	8	4	2	32	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
1	Tổng số giáo viên	28	29	28	28	29
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	13,1	13,8	12,6	11,8	10,6
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	15,5	13,3	14,1	13,4	11,4
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	10	10	10	10	9
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	2	2	2	2	2
	Các số liệu khác	0	0	0	0	0

3. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	416	392	383	361	325	
	- Nữ	199	138	177	157	155	
	- Dân tộc thiểu số	296	265	260	234	227	
2	Đối tượng chính sách	114	99	62	72	126	
3	Khuyết tật	0	0	1	0	0	

4	Tuyển mới	81	91	95	90	81	
5	Học 2 buổi/ngày	416	392	383	361	325	
6	Bán trú	416	392	383	361	325	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	25,9	25,5	25,6	24,2	21,8	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	26,2	27,7	25,2	23,5	28,3	
9	Trẻ em từ 13-24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	Trẻ em từ 24-36 tháng tuổi	105	111	101	94	85	
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	99	86	93	92	63	
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	99	97	84	82	94	
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	113	98	105	93	83	
	Các số liệu khác	0	0	0	0	0	

4. Các số liệu khác (nếu có)

	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ huy động trẻ em lứa tuổi MN tới trường	418	400	375	370	344
2	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường	116	105	105	95	99
3	Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	116	105	105	95	99
4	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập	0	0	1	0	0

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non xã Thanh An thành lập vào ngày 16/3/2009. Trường có tổng diện tích đất 4.597,1m², trong đó điểm trường Trung tâm 2.525m²+ 800 m²; điểm trường Noong Ứng: 418m²; điểm trường Púng Thanh: 734,5m² và điểm trường Huổi Púng: 119,6m². Trường xây dựng gồm 14 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác CSGD trẻ theo yêu cầu, cơ sở vật chất khang trang, môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp, có đầy đủ các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo diện tích, có đủ các phòng chức năng theo quy định như phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng Tin học-Ngoại ngữ, phòng họp của giáo viên, thư viện với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trải qua 18 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 trường liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến và tập thể lao động xuất sắc được UBND huyện tặng giấy khen và UBND tỉnh tặng Bằng khen. Tổ chức Công đoàn nhiều năm liền đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc được Công đoàn giáo dục, LĐLĐ huyện Điện Biên tặng giấy khen. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ theo Điều lệ Trường Mầm non, có phẩm chất đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động CSGD trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp 25/29 đạt 86,2%. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng CSGD không ngừng được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2, đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, cha mẹ trẻ em xây dựng và phát triển nhà trường nâng cao chất lượng CSGD trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể CBQL, GV, NV về công tác nuôi dưỡng CSGD trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể CBQL, GV, NV xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành sửa đổi, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường xây dựng và triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể CBQL, GV, NV của nhà trường. Thành lập HĐ tự đánh giá bao gồm: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, đại diện các đoàn thể, giáo viên, thư ký HĐ là những giáo viên có kinh nghiệm. HĐ tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. HĐ tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

- Bước 1. Thành lập HĐ tự đánh giá.
- Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
- Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.
- Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. HĐ tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như: máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành sửa đổi, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Kết quả tự đánh giá trường Mầm non xã Thanh An đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường Mầm non xã Thanh An có cơ cấu, tổ chức bộ máy đúng quy định của Điều lệ Trường Mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và hoạt động có hiệu quả; có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. Nhà trường thực hiện tốt công tác Phổ cập GDMN, huy động trẻ trong độ tuổi đạt chỉ tiêu kế hoạch giao, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, số buổi trẻ được tham gia học tập tại trường theo quy định 2 buổi/ngày(10 buổi/tuần). Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn và kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học phù hợp với mục tiêu GDMN và các nguồn lực của nhà trường, định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo

quy định. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng nuôi dưỡng CSGD. Giáo viên căn cứ vào kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng CSGD của nhóm/lớp theo tiêu chí giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV theo đúng vị trí việc làm và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của CBQL, GV, NV đúng quy định. Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội; phòng chống xâm hại tình dục trẻ và phòng chống bạo lực học đường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐ trường (HĐ quản trị đối với trường tư thục), CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch chỉ đạo năm học, kế hoạch

thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp và chỉ tiêu kế hoạch được giao, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện hiệu quả [H1-1.1-01].

Hàng năm, nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức đăng tải trên Website, bảng tin của nhà trường để toàn thể CBQL, GV, NV nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết [1.1-03].

Mức 2

Hàng năm, nhà trường có các giải pháp cho HĐ trường thực hiện các chức năng giám sát như: Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐ trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát Hiệu trưởng và kế toán trường trong việc chấp hành các quy định công khai, minh bạch và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3

Định kỳ 01 năm/lần rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐ trường; thông qua hội nghị cán bộ, công chức viên chức người lao động, thông qua họp Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường, được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết công khai, đăng tải trên Website, bảng tin của nhà trường. Hàng năm, thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, phương hướng phát triển của nhà trường để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và thống nhất xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường đã đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, theo năm học hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ; thành viên HĐ trường; HĐ tư vấn	Không	Tháng 8, tháng 9 hằng năm.	Không
Công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức đăng tải trên Website, bảng tin, zalo chung của nhà trường để toàn thể CBQL, GV, NV nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết.	CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ em, nhân dân	Bảng tin, Website của trường	Đầu năm, giữa năm và cuối các năm học	Không

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

HĐ trường và các HĐ khác trong trường Mầm non xã Thanh An được thành lập theo quy định: HĐ trường [H1-1.1-04]; HĐ thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; HĐ tư vấn được thành lập theo Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.2-02], HĐ sáng kiến thành lập theo Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định 13/2012/NĐ-CP [H1-1.2-03]; HĐ tự đánh giá được thành lập theo Khoản 1 Điều 24 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục

và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non [H1-1.2-04]; HĐ lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN được thành lập theo Điều 10 Thông tư 30/2021/TT-BGDĐT Thông tư quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN [H1-1.2-05]; HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu được thành lập theo Điều 10 Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT Thông tư quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN [H1-1.2-06]; HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-07].

Các HĐ của trường Mầm non xã Thanh An thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định: HĐ trường thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định tại Điều 9, khoản 1 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường Mầm non, Điều 8 Nghị định 24/2021/NĐ-CP quy định việc quản lý trong cơ sở GDMN và cơ sở giáo dục phổ thông công lập, Điều 55 Khoản 1 Điểm a Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 [H1-1.1-04]; HĐ thi đua khen thưởng thực hiện theo Điều 11, khoản 1 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT [H1-1.2-01]; HĐ tư vấn thực hiện theo Điều 11 Khoản 3 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT và Điều 57 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 [H1-1.2-02]; HĐ sáng kiến thực hiện theo Điều 8 Nghị định 13/2012/NĐ-CP Điều lệ Sáng kiến [H1-1.2-03]; HĐ tự đánh giá Trường Mầm non thực hiện theo Điều 25 Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT [H1-1.2-04]; HĐ lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN thực hiện theo Điều 25 Khoản 3, 4, 5 Thông tư 30/2021/TT-BGDĐT [H1-1.2-05]; HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu thực hiện theo Điều 10 Khoản 3, 4, 5 Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT [H1-1.2-06]; HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường tổ chức nghiên cứu và biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp và thực hiện đánh giá Chương trình giáo dục nhà trường đảm bảo theo quy định [H1-1.2-07].

Hoạt động của HĐ trường [H1-1.1-04]; HĐ thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; HĐ tư vấn [H1-1.2-02]; HĐ sáng kiến [H1-1.2-03]; HĐ tự đánh giá [H1-1.2-04]; HĐ lựa chọn tài liệu [H1-1.2-05]; HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu [H1-1.2-06]; HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-07]; được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

Mức 2

Các HĐ trong nhà trường (HĐ trường [H1-1.1-04]; HĐ thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; HĐ tư vấn [H1-1.2-02]; HĐ sáng kiến [H1-1.2-03]; HĐ tự đánh giá; [H1-1.2-04]; HĐ lựa chọn tài liệu [H1-1.2-05]; HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu [H1-1.2-06]; HĐ biên soạn Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-07]) hoạt động có hiệu quả không ngừng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có HĐ trường, HĐ thi đua khen thưởng, HĐ tư vấn, HĐ sáng kiến, HĐ tự đánh giá Trường Mầm non, HĐ lựa chọn tài liệu, HĐ lựa chọn đồ chơi học liệu thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hằng năm HĐ trường và các HĐ khác duy trì tổ chức các hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Trường Mầm non, các HĐ được định kỳ rà soát, đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ của nhà trường đáp ứng nhu cầu của việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hằng năm kiện toàn các HĐ trong nhà trường.	CBQL	Tờ trình, HĐ trường theo quy định Điều lệ Trường Mầm non	Khi có sự thay đổi về nhân sự	Không
Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của HĐ trường và các HĐ khác trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.	Các thành viên trong HĐ trường; HĐ thi đua khen thưởng; HĐ tư vấn, HĐ sáng kiến	Quyết định, kế hoạch, báo cáo	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1**

Nhà trường có tổ chức Công đoàn với 35 công đoàn viên và người lao động, Ban chấp hành công đoàn gồm 04 thành viên (Chủ tịch công đoàn, phó chủ tịch công đoàn, 02 ủy viên) [H1-1.3-01]. Nhà trường có 01 chi Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm 08 đoàn viên hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ [H1-1.3-02].

Hàng năm, các tổ chức, đoàn thể trong trường xây dựng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với nhà trường để hoạt động theo Điều lệ của từng tổ chức, nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu GDMN. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong trường thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Đoàn Thanh niên, đã nâng cao các hoạt động và phong trào của nhà trường. Công đoàn trường xây dựng quy chế phối hợp cùng với chính quyền nhà trường chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng, bảo đảm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, người lao động, tạo điều kiện làm việc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Ban chấp hành triển khai thực hiện tốt các cuộc vận động do LĐLĐ Huyện phát động, tham gia cùng với chính quyền trong công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá khen thưởng, kỷ luật. Thực hiện tốt các hoạt động phong trào và công tác quyền góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của nhà trường và cấp trên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Hàng năm, các hoạt động của đoàn thể Công đoàn [H1-1.3-01], Đoàn Thanh niên [H1-1.3-02] tổ chức rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, được các đoàn thể cấp trên đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Mức 2

Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 20 đảng viên, có cơ cấu tổ chức theo quy định; Chi bộ nhà trường hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được Đảng ủy xã Thanh An đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Trường Mầm non xã Thanh An, thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện đổi mới phương pháp CSGD trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm của trẻ, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các hội thi... của trường được lãnh đạo các cấp công nhận và tặng Giấy khen, Bằng khen [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá tổ chức cơ sở Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, Pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản, được Đảng ủy xã Thanh An đánh giá Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02] của nhà trường hằng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: Phối hợp xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, xây dựng chương trình giáo dục nhà trường; xây dựng trường học hạnh phúc; tổ chức các hoạt động, tuyên truyền phổ biến pháp luật; tổ chức các hoạt động trải nghiệm của trẻ, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các hội thi; phát động hoạt động phong trào thể dục thể thao, văn nghệ, các hoạt động từ thiện nhân đạo [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam độc lập, tổ chức Công đoàn. Các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo quy định và đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Trong 05 năm Chi bộ và các tổ chức đoàn thể đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ em của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá kiện toàn duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể.	Quyết định kiện toàn, trình kiện toàn các	Khi có sự thay đổi về nhân sự	Không

các tổ chức khác theo quy định.		đoàn thể và các tổ chức khác		
Các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học	Không
Tiếp tục làm tốt công tác phát triển Đảng, bồi dưỡng kết nạp được ít nhất 1 đảng viên mới.	Chi bộ	Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Năm 2025	Không
Tạo điều kiện cho Đảng viên tham gia học các lớp lý luận chính trị để nâng cao chất lượng Đảng viên trong chi bộ.	Chi bộ	Đảng viên	Năm 2025	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường có 01 Hiệu trưởng; 02 Phó hiệu trưởng đảm bảo theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT và Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập [H1-1.4-01].

Năm học 2024-2025 nhà trường có 02 tổ chuyên môn: 01 tổ mẫu giáo bé + nhà trẻ có gồm 16 thành viên (03 nhân viên nấu ăn và 13 giáo viên), 01 tổ mẫu giáo lớn + nhỡ+ ghép có 16 thành viên và 01 tổ văn phòng có 03 thành viên (01 kế toán, 01 y sĩ, 01 bảo vệ) [H1-1.4-02]. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó, tổ văn phòng có một tổ trưởng [H1-1.4-03].

Hàng năm, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo tháng, năm học và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non: Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần, tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ em, quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, tham gia đánh giá xếp loại nhân viên [H1-1.4-04].

Mức 2

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn như: Chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”... Các chuyên đề được tổ chức có tác dụng thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-04].

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn theo năm học và theo tháng, sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng, đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn có hiệu quả, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và cập nhật đúng tiến độ theo kế hoạch; tổ văn phòng tổ chức theo đúng kế hoạch, định kỳ sinh hoạt bồi dưỡng chuyên môn 1 lần/tháng, phù hợp với tình hình thực tế của tổ và của nhà trường [H1-1.4-04].

Mức 3

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ [H1-1.3-03]; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại Điều lệ Trường Mầm non theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn [H1-1.4-04]; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVMN, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-05].

Hằng năm, các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề, chuyên môn theo kế hoạch phù hợp với nhiệm vụ và chuyên đề giáo dục trọng tâm theo từng năm học như: Xây dựng Trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” chuyên đề dinh dưỡng... góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng theo quy định. Trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học, tháng, định kỳ sinh hoạt chuyên môn theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non, theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tích cực đổi mới nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục phát huy hiệu quả chuyên đề điểm nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tiến tới xây dựng cộng	CBQL, tổ trưởng, giáo viên nhân viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong các năm học	Không

đồng học tập.				
Nhà trường tiếp tục kiện toàn các tổ chức bộ máy theo quy định	CBQL	Tờ trình	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm, nhà trường tổ chức tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng theo quy định, đảm bảo số lớp, số học sinh ra lớp Theo Điều 5 trong Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Nghị định Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.5-01].

Trong các năm học qua nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, được phân chia theo độ tuổi theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Năm học 2020 - 2021: Có 16 nhóm, lớp với 416 trẻ trong đó 04 nhóm trẻ với 105 trẻ, 04 lớp MGB với 99 trẻ, 03 lớp MG nhỏ với 99 trẻ, 04 lớp MG lớn với 113 trẻ; Năm học 2021 - 2022: Có 15 nhóm, lớp với 392 trẻ trong đó 04 nhóm trẻ với 111 trẻ, 04 lớp MGB với 86 trẻ, 03 lớp MG nhỏ với 97 trẻ, 04 lớp MG lớn với 98 trẻ; Năm học 2022 - 2023: Có 15 nhóm, lớp với 383 trẻ trong đó 04 nhóm trẻ với 101 trẻ, 04 MGB với 93 trẻ, 03 lớp MG nhỏ với 84 trẻ, 04 lớp MG lớn với 105 trẻ; Năm học 2023 - 2024: Có 15 nhóm lớp với 361 trẻ trong đó 04 nhóm trẻ với 94 trẻ, 04 lớp MGB với 92 trẻ, 03 lớp MG nhỏ với 82 trẻ, 04 lớp MG lớn với 93 trẻ; Năm học 2024-2025 trường có 14 nhóm, lớp với 325 trẻ, 03 nhóm trẻ 24-36 tháng với 85 trẻ, 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 63 trẻ, 03 lớp mẫu giáo

4-5 tuổi với 74 trẻ, 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 47 trẻ; 03 lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi với 56 trẻ trong đó (20 trẻ 4-5 tuổi, 36 trẻ 5-6 tuổi) [H1-1.5-02]; Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 có năm học 2022 - 2023 có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập tại lớp mẫu giáo 5-6 tuổi Púng Thanh với 28 trẻ đảm bảo theo quy định. Các năm còn lại không có trẻ khuyết tật học hoà nhập [H1-1.5-03].

14/14 nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày đạt 100% [H1-1.3-03];

Mức 2

Hàng năm, số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá số lượng theo quy định cụ thể: Năm học 2020-2021 nhà trường có 16 nhóm/lớp với 04 nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi và 12 lớp mẫu giáo với 416 trẻ (04 nhóm trẻ 25-36 tháng với 105 trẻ, 12 lớp mẫu giáo với 311 trẻ, bình quân 25,9 trẻ/lớp); năm học 2021-2022, nhà trường có 15 nhóm/lớp với 04 nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi và 11 lớp mẫu giáo với 392 trẻ (04 nhóm trẻ 25-36 tháng với 111 trẻ, 11 lớp mẫu giáo với 281 trẻ); năm học 2022-2023, nhà trường có 15 nhóm/lớp với 4 nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi và 11 lớp mẫu giáo với 383 trẻ (04 nhóm trẻ 25-36 tháng với 101 trẻ; 11 lớp mẫu giáo với 282 trẻ); năm học 2023-2024, nhà trường có 15 nhóm/lớp với 4 nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi và 11 lớp mẫu giáo với 361 trẻ (04 nhóm trẻ 25-36 tháng với 94 trẻ; 11 lớp mẫu giáo với 267 trẻ; năm học 2024-2025, nhà trường có 14 nhóm/lớp với 03 nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi và 11 lớp mẫu giáo với 325 trẻ (03 nhóm trẻ 25-36 tháng với 85 trẻ; 11 lớp mẫu giáo với 240 trẻ) do đặc thù của trẻ trên lopws chưa đủ để mở lớp đơn theo độ tuổi nên năm học 2024-2025 nhà trường có 03 lớp mẫu giáo ghép[H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu cấp trên giao, đảm bảo 100% trẻ 5 tuổi ra lớp theo đúng quy định. Các nhóm, lớp được sắp xếp khoa học, đúng độ tuổi, phù hợp thực tế; linh hoạt bố trí lớp ghép tại các điểm lẻ, đảm bảo sĩ số theo quy định, tiếp nhận và tổ chức hòa nhập hiệu quả cho trẻ khuyết tật số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định. 100% lớp học được tổ chức 2 buổi/ngày, thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non. Công tác duy trì sĩ số ổn định, quy mô lớp học hợp lý, khẳng định vai trò quản lý hiệu quả và uy tín của nhà trường trong cộng đồng.

3. Điểm yếu: có lớp mẫu giáo ghép

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0 đến dưới 36 tháng tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch giao tuyển sinh, kế hoạch giáo dục trẻ em.	Trong các năm học	Không
Tham mưu, sắp xếp trường lớp đảm bảo theo quy định.	CBQL	Kế hoạch biên chế năm học 2025-2026	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Mức 2:

- a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định tại Điều 21, Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ Trường Mầm non bao gồm

các hồ sơ: Kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-02]; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.5-01]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [1.6-02]; hồ sơ quản lý văn bản [H1-1.6-03]; kế hoạch nuôi dưỡng, CSGD trẻ theo năm học [H1-1.6-04]. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 Quy định thời hạn bảo quản tài liệu.

Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán, thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành, có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-02];

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động CSGD, có đầy đủ hồ sơ, chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-02].

Mức 2

Trong các năm học nhà trường ứng dụng có hiệu quả CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường như: Phần mềm phổ cập [1.6-05]; phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia [1.6-06]; phần mềm quản lý tài sản-kế toán hành chính sự nghiệp Misa, phần mềm bảo hiểm VNPT, phần mềm dịch vụ công [1.6-07];

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.3-03].

Mức 3

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và triển khai thực hiện kế hoạch hiệu quả như: Kế hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường theo giai đoạn và theo năm học, kế hoạch vận động tài trợ, kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2023-2025, đề án vị trí việc làm [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [1.6-02]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định Điều lệ Trường Mầm non và được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Thông tư số 10/2022/TT-BNV. Hàng năm nhà trường đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế

chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong những năm qua nhà trường chỉ đạo ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Có đầy đủ kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để xây dựng và phát triển nhà trường hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo làm tốt nhiệm vụ quản lý hành chính, tài chính và tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động CSGD.	CBQL, GV, NV.	Các văn bản hướng dẫn quản lý hành chính, tài chính và tài sản đúng mục đích hiện hành.	Trong các năm học	Không
Chỉ đạo hiệu quả hơn nữa việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản của nhà trường. Thực hiện tốt Đề án 06.	CBQL, GV, NV.	Các phần mềm hiện hành trong Trường Mầm non: Phần mềm phổ cập, CSDL, VNEDU, Misa; phần mềm bảo hiểm VNPT; phần mềm dịch vụ công	Trong các năm học	30.000.000
Tổ chức và tham gia các lớp Bồi dưỡng ứng dụng CNTT	CBQL, GV, NV.	Tờ trình, danh sách nhu cầu tham gia bồi dưỡng	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV;
- b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV với nội dung và hình thức bồi dưỡng thiết thực, sát với thực tiễn, áp dụng thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV trong nhà trường [H1-1.7-01].

Hằng năm nhà trường thực hiện phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD của nhà trường [H1-1.7-02].

100% CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 10, Điều 29 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT. Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, CSGD trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập bồi dưỡng; được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.3-03].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV. Nhà trường tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: Tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ... Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục, các chuyên đề giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch theo quy định, có các nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực, điều kiện hoàn cảnh của từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ CBQL, GV, NV trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. 100% CBQL, GV, NV trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV với nội dung mới, thiết thực, vận dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục mới phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Tài liệu bồi dưỡng, video tư liệu.	Trong các năm học	Không
Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL, GV, NV theo quy định, phát huy hiệu quả của các công tác thi đua.	CBQL, GV, NV	Phối hợp các tổ chức đoàn thể trong nhà trường	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào số liệu phổ cập, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch do UBND huyện giao xây dựng kế hoạch tuyển sinh; thành lập các nhóm lớp theo chỉ tiêu kế hoạch, căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Thành lập ban biên soạn Chương trình giáo dục của nhà trường nhằm lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của trẻ, điều kiện của lớp, của trường và địa phương đảm bảo mục tiêu phát triển của trẻ cuối độ tuổi [H1-1.2-07]; [H1-1.6-04]; [H1-1.1-02].

Hàng năm thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, CSGD trẻ em theo năm học đảm bảo. Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, CSGD của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của trường của ngành và địa phương đảm bảo hiệu quả cao trong các hoạt động CSGD trẻ [H1-1.6-04].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.4-05].

Mức 2

Hàng năm nhà trường có nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả như: Chỉ đạo lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu [1.8-01]; xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đánh giá các hoạt động CSGD trẻ của từng nhóm, lớp [H1-1.4-05]. Chất lượng CSGD trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, trường đạt được nhiều thành tích cao trong các năm học [H1-1.2-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường; kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và thường xuyên được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Hàng năm nhà trường có nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-----------------------------------	--------------------	------------------------	---------------------	------------------

Tiếp tục chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục, phù hợp, có hiệu quả với độ tuổi và điều kiện thực tế.	CBQL, giáo viên cốt cán.	Trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường.	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.	Không
Thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời nhằm không ngừng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD toàn diện của nhà trường.	CBQL, giáo viên cốt cán, cha mẹ trẻ em	Biên bản, phiếu khảo sát đánh giá thực hiện chương trình giáo dục nhà trường. Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm CBQL, GV, NV trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ, viên chức người lao động như: Thực hiện huy động trẻ ra lớp, mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng phát triển nhà trường [H1-1.1-05], quy chế quản lý tài sản [1.6-02], quy chế dân chủ ở cơ sở [H1-1.1-05].

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-03].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết

quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát thực hiện tốt quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: Công khai chất lượng CSGD, chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách CBQL, GV, NV và kết quả xã hội hóa [H1-1.9-01], [H1-1.9-02] trên bảng tin, bảng công khai [1.1-03], báo cáo tổng kết của nhà trường về CBQL, GV, NV trong trường cùng biết [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động của nhà trường. Công tác dân chủ tại đơn vị luôn được chú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch hiệu quả dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện tốt công tác dân chủ, phát huy quyền dân chủ của CBQL, GV, NV trong việc góp ý nội quy, quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL.	Quy chế dân chủ, bảng công khai, trang Web của trường.	Trong các năm học	Không
Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các	CBQL.	Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường	Trong các năm học.	Không

hoạt động để xây dựng và phát triển nhà trường.		học.		
Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết.	CBQL.	Quy chế dân chủ trong nhà trường, công tác tiếp dân	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CBQL, GV, NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch, phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01]; kế hoạch an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-03]; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-04]; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06]; Kế hoạch

an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích các năm học nhà trường đều được đánh giá đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-07].

Nhà trường có hòm thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em, của người dân, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường [1.10-08].

Trong 05 năm nhà trường không có CBQL, GV, NV nào có hiện tượng kỳ thị, có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-09].

Mức 2

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và trẻ thực hiện tốt các Phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.3-03].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch và phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn trường học theo quy định, phổ biến, hướng dẫn tới toàn thể CBQL, GV, NV, trẻ thực hiện có hiệu quả. Có hộp thư góp ý đặt ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Các năm học nhà trường đều được đánh giá đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục triển khai, phổ biến thực hiện hiệu quả các phương án để đảm bảo	CBQL.	Các phương án, kế hoạch thực hiện.	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không

tuyệt đối an toàn tính mạng cho CBQL, GV, NV và trẻ. Hướng dẫn trang bị tốt kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho trẻ theo hướng dẫn Thông tư 06/2022/TT-BGDĐT				
Phối kết hợp chặt chẽ với công an xã Thanh An để đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường và giáo dục an toàn giao thông.	CBQL, GV, NV trong trường.	Cam kết đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Phối kết hợp thực hiện	Năm học 2025	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non; có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kì rà soát đánh giá, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hàng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; Làm tốt công tác quản lý tài chính, hàng năm lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp

với quy định của Bộ Giáo dục, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng GD&ĐT, thực hiện công khai, minh bạch các nội dung và hoạt động của nhà trường theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo duy trì ổn định qua các năm. Trong những năm qua không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, nhà trường đều được đánh giá đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 10/10*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 10/10*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 3/3*

Tiêu chuẩn 2: CBQL, GV, NV

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng CNTT tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Đội ngũ CBQL, GV, NV thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hằng năm CBQL được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt ở mức khá trở lên. Giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức đạt trở lên. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hằng năm công bằng, khách quan và sát thực. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có CBQL, GV, NV vi phạm đạo đức nhà giáo.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.4-01]; Hiệu trưởng (Mai Thị Phương) có thời gian công tác liên tục trong GDMN là 22 năm; phó Hiệu trưởng 1 (Nguyễn Thị Thu Hương) có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN là 21 năm; phó Hiệu trưởng 2 (Trần Thị Vui) có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN là 19 năm [H2-2.1-01]; Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, trung cấp lý luận chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.1-02]; có đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-03].

Hàng năm Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt từ khá trở lên: Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng 05 năm xếp loại tốt; phó Hiệu trưởng 1 có 05 năm xếp loại tốt và phó Hiệu trưởng 2 có 04 năm xếp loại khá, 01 năm xếp loại tốt [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng thường xuyên, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H2-2.1-06], [H1-1.3-03].

Mức 2

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng xếp loại ở mức tốt (từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024); phó Hiệu trưởng 1 có 05 năm xếp loại tốt (từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024), phó Hiệu trưởng 2 có 04 năm xếp loại khá (năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2023-2024), 01 năm xếp loại tốt (năm học 2022-2023) theo chuẩn Hiệu trưởng Trường Mầm non [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-

2.1-02]; trong quá trình công tác luôn được sự tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ trở lên, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-05].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại ở mức tốt; phó Hiệu trưởng 1 có 05 năm xếp loại tốt, phó Hiệu trưởng 2 có 04 năm xếp loại khá và 01 năm xếp loại tốt (năm học 2022-2023) theo chuẩn Hiệu trưởng Trường Mầm non [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các yêu cầu về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng mức tốt. Các phó Hiệu trưởng trong 5 năm liên tiếp được phòng GD&ĐT đánh giá, xếp loại đạt mức khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
CBQL nhà trường tiếp tục tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Phó Hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng học tập để nâng cao nghiệp vụ tay nghề và năng lực quản lý, phấn đấu được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu	Phó Hiệu trưởng.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở	Năm 2025 và các năm học tiếp theo	Không

trường ở mức tốt.		giáo dục.		
-------------------	--	-----------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định cụ thể: Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số 29 giáo viên/14 nhóm, lớp tỷ lệ 2,1 giáo viên/nhóm, lớp đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.7-02].

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá từ mức đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, cụ thể: năm học 2019-2020, mức tốt 12/28 đạt 42,8%, mức khá 15/28 đạt 53,5%, mức đạt 1/28 đạt 3,57%; Năm học 2020-2021: mức tốt 9/28 đạt 32,1%, mức khá 18/28 đạt 64,3%, mức đạt 1/28 đạt 3,57%; năm học 2021- 2022: mức tốt 10/29 đạt 34,5%, mức khá 19/29 đạt 65,5%; năm học 2022-2023: mức tốt 14/28 đạt 50%, khá 14/28 đạt 50%; năm học 2023-2024: mức tốt 10/28 đạt 35,7%, khá 18/28 đạt 64,3% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-03].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá từ mức đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, cụ thể: năm học 2019-2020, mức tốt 12/28 đạt 42,8%, mức khá 15/28 đạt 53,5%, mức đạt 1/28 đạt 3,57%; Năm học 2020-2021: mức tốt 9/28 đạt 32,1%, mức khá 18/28 đạt 64,3%, mức đạt 1/28 đạt 3,57%; năm học 2021-2022: mức tốt 10/29 đạt 34,5%, mức khá 19/29 đạt 65,5%; năm học 2022-2023: mức tốt 14/28 đạt 50%, khá 14/28 đạt 50%; năm học 2023-2024 mức tốt 10/28 đạt 35,7%, khá 18/28 đạt 64,3% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ đạt trên chuẩn ở mức cao. Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, trong đó mức tốt 35,7%, mức khá 64,3%. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	CBQL, giáo viên.	TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8 tháng 10 năm 2018 chuẩn nghề nghiệp	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

		GVMN.		
Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên.	CBQL, giáo viên.	TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8 tháng 10 năm 2018 chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định gồm: 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế học đường kiêm nhiệm công tác văn thư, thủ quỹ được tập huấn bồi dưỡng về công tác văn thư và thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 03 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

Các nhân viên trong nhà trường được Hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế theo vị trí việc làm [H1-1.7-02].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, tổ chức tốt công tác nấu ăn, chăm sóc sức khỏe cho trẻ và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm các nhân viên đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định: 01 nhân viên bảo vệ (hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022), 01 nhân viên y tế học đường kiêm nhiệm công tác văn thư, thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán; 03 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3

Các nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng trung cấp y sĩ đa khoa [H2-2.3-03]; nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nấu ăn [H2-2.3-04]; [H2-2.3-05]; nhân viên bảo vệ được tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và công tác phòng cháy, chữa cháy [H2-2.3-06].

Hàng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm: Nhân viên y tế được bồi dưỡng công tác y tế trường học và bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực; nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công, nhân viên bảo vệ đều được nhà trường bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ [H2-2.3-05], [H2-2.3-06].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo theo chuyên ngành, các nhân viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-----------------------------------	--------------------	------------------------	---------------------	------------------

Nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên.	Nhân viên.	Phân công nhiệm vụ.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	CBQL, nhân viên y tế, nấu ăn.	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Nhà trường có CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định, có bằng đại học sư phạm, có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN từ 19 năm trở lên. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được xếp loại chuẩn Hiệu trưởng từ khá trở lên, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Trường có đủ nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 3/3

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 2/2

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 2/2

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường Mầm non xã Thanh An được xây dựng ở Trung tâm xã Thanh An với diện tích đất 4.597,1m², khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát

thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các khu trải nghiệm cho trẻ: Khu trải nghiệm khơi nguồn sáng tạo, vườn cổ tích, khu phát triển vận động, thư viện xanh, sân chơi, các khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu. Có đủ các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ, phòng sinh hoạt chung, hiên chơi đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ, các khối phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, văn phòng trường, phòng hành chính-quản trị, phòng Tin học-Ngoại ngữ, phòng họp của giáo viên và trẻ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các Trường Mầm non và thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Nhà trường có bếp ăn gồm: Khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, kho bếp được phân chia kho lương thực và kho thực phẩm, thiết bị bảo quản thực phẩm, đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hằng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

b) Quy mô;

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình

Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường Mầm non xã Thanh An được xây dựng ở Trung tâm xã Thanh An thuộc đội Đông Biên 3; điểm trường Noong Ứng được xây dựng tại bản Noong Ứng; điểm trường Púng Thanh được xây dựng tại bản Phiêng Ban; điểm trường Huổi Púng được xây dựng tại bản Huổi Púng. Trung tâm và điểm trường phù hợp với quy mô phát triển giáo dục của địa phương, có môi trường sạch sẽ - thân thiện đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ em, cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường. Trường đặt ở vị trí giao thông đi lại thuận tiện, thuận lợi phụ huynh đưa đón trẻ em, đáp ứng yêu cầu phòng chống cháy nổ [3.1-01].

Trong 5 năm gần đây nhà trường có quy mô: Năm học 2020 - 2021 nhà trường có 16 nhóm/lớp với 416 trẻ em; năm học 2021 - 2022 nhà trường có 15

nhóm/lớp với 392 trẻ em; năm học 2022 - 2023 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 383 trẻ em; năm học 2023 - 2024 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 361 trẻ em; năm học 2024-2025 nhà trường có 14 nhóm/lớp với 325 học sinh. Các lớp được phân chia theo độ tuổi với số trẻ không vượt quá quy định quy định tại điều lệ trường mầm non. Các lớp được tổ chức thành nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo đơn, mẫu giáo ghép, không có nhóm trẻ ghép.[H1-1.5-02].

Trường có tổng diện tích đất 4.597,1m², trong đó điểm trường Trung tâm 2.525m²+ 800m²; điểm trường Noong Ứng: 418m²; điểm trường Púng Thanh: 734,5m² và điểm trường Huổi Púng: 119,6m². Nhà trường có tổng diện tích khu đất xây dựng 1.838m² (đạt 39,9%). Diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, bãi tập 2.150m² (đạt 46,7%) bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định (6,6m²/trẻ). Nhà trường còn 800m² khu trung tâm chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất[H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường được đặt ở vị trí trung tâm xã Thanh An, các điểm trường đặt tại các đội bản, khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi cho phụ huynh đưa đón trẻ đến trường. Trường có quy mô 14 nhóm, lớp đảm bảo theo thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân vượt quy định.

Trong 5 năm gần đây nhà trường có quy mô: Năm học 2020 - 2021 nhà trường có 16 nhóm/lớp với 416 trẻ em; năm học 2021 - 2022 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 392 trẻ em; năm học 2022 - 2023 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 383 trẻ em; năm học 2023 - 2024 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 361 trẻ em; năm học 2024-2025 nhà trường có 14 nhóm/lớp với 325 học sinh. Trường có tổng diện tích đất 4.597,1m², bình quân 14,1m²/trẻ.

Trường có đầy đủ cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ, có khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Nhà trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục thể chất, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời, đồ chơi tự tạo, có các khu cho trẻ trải nghiệm như: Khu trải nghiệm khám phá, vườn rau, vườn cây của bé, các góc địa phương, góc thư viện thân thiện so với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Nhà trường còn 800m² khu trung tâm chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường lập tờ trình trình PGD&ĐT để có cơ sở phối hợp với phòng Tài nguyên Môi trường huyện, báo cáo UBND huyện, UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 800 m ² khu trung tâm	Ban giám hiệu, Phòng GD&ĐT, UBND huyện Điện Biên UBND tỉnh, phòng Tài nguyên Môi trường huyện	Tờ trình	Năm 2025	Không
Tham mưu với Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên hằng năm cấp kinh phí cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp. Vận động tài trợ xã hội hoá giáo dục các nguồn lực.	CBQL, GV, NV	Tờ trình; Xây dựng kế hoạch; Thư ngỏ; Xây dựng dự toán kinh phí	Năm 2025	100.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;*
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;*
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.*

Mức 2:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;*

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo TT số 13/2020/TT-BGDĐT bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; 04 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; 04 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng Hiệu trưởng có diện tích 25m², 01 phòng phó Hiệu trưởng có diện tích 24m², 01 phòng phó Hiệu trưởng tại điểm Noong Ứng có diện tích là 22 m², văn phòng trường có diện tích 60m², phòng nhân viên 19m², phòng bảo vệ 15m²; phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; 04 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo diện tích và có đủ trang thiết bị vệ sinh theo quy định; 04 khu để xe có mái che với tổng diện tích 80m² được bố trí an toàn, tiện lợi. Các phòng khối hành chính-quản trị được xây dựng kiên cố, có đủ trang thiết bị, máy vi tính và các phương tiện làm việc [3.2-01].

Nhà trường có 14 phòng sinh hoạt chung được xây dựng kiên cố đảm bảo mỗi nhóm, lớp có 1 phòng để tổ chức các hoạt động chơi, ăn, ngủ với diện tích mỗi phòng là 40m², có 03 phòng ngủ dành cho các nhóm trẻ với diện tích mỗi phòng là 19m². Có 01 phòng giáo dục thể chất diện tích 60m² được xây dựng kiên cố và có đầy đủ đồ dùng phát triển vận động đảm bảo theo quy định, có 01 phòng giáo dục nghệ thuật 60m² có đàn, gương, gióng múa, trang phục với diện tích 40m²; 01 phòng thư viện cho bé với diện tích 48 m², các phòng chức năng đều có đủ đồ dùng, tài liệu, trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường [3.2-02]. Khu vệ sinh được xây dựng ở khu vực thuận tiện gần với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, dễ quan sát, hệ thống thiết bị cấp nước phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo vệ sinh, có vách ngăn cao 1,50m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, điểm trường Púng Thanh có 03 tiểu treo dùng cho trẻ em trai, các phòng vệ sinh còn lại đều có máng tiểu dài 2m, các khu vệ sinh có 26 xí bệt dùng cho trẻ em gái. Khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng với tiêu chuẩn 08 trẻ em/chậu

rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái [3.2-03]. Hiên chơi, đón trẻ em thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng có diện tích 165m^2 đảm bảo $0,5\text{ m}^2/\text{trẻ}$ và diện tích thông thủy là $2,2\text{m}$, xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao là 01m [3.2-04]. Nhà trường có hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng kiên cố, có khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động một chiều. Hằng năm bếp ăn được tôn tạo nâng cấp mua sắm bổ sung trang thiết bị cần thiết nhằm đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác tổ chức ăn bán trú của trường. Kho bếp của nhà trường được xây dựng kiên cố có diện tích 17m^2 , có kho lương thực và kho thực phẩm có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản tối thiểu trong 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.2-05].

Mức 2

Khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo diện tích và các trang thiết bị theo đúng quy định của thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học bao gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó Hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; khu để xe có mái che [3.2-01].

14 nhóm lớp của nhà trường đều phòng sinh hoạt chung của được xây dựng kiên cố đảm bảo diện tích mỗi phòng là 40m^2 . 3/3 nhóm trẻ đều có phòng ngủ với diện tích mỗi phòng là $19\text{m}^2/\text{phòng}$. Có 01 phòng giáo dục thể chất diện tích 60m^2 , 01 phòng nghệ thuật diện tích 60m^2 , 01 phòng tin học, ngoại ngữ đều có diện tích $40\text{m}^2/\text{phòng}$, 01 phòng thư viện cho bé với diện tích 48m^2 , các phòng được xây dựng kiên cố và có đầy đủ đồ dùng trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường [3.2-02]. Các khu vệ sinh trung tâm và điểm trường được xây dựng ở khu vực thuận tiện gần với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, vị trí dễ quan sát, đảm bảo vệ sinh, có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Có hệ thống thiết bị cấp nước phù hợp với điều kiện thực tế, có vách ngăn cao $1,50\text{m}$. Các khu vệ sinh đều có đủ số lượng tiêu treo hoặc máng xi măng, xí bệt đảm bảo số lượng và quy chuẩn theo quy định tại thông tư Khu

vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng đảm bảo đủ 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi [3.2-03]. Hiên chơi đảm bảo diện tích thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em, xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao là 01m [3.2-04]. Hệ thống chiếu sáng của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè

14/14 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-08].

Mức 3

Các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, các lớp có hiên chơi phía trước và phía sau để trẻ tham gia các hoạt động thuận lợi, an toàn, các lớp có kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật của nhà trường đảm bảo theo thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có 01 phòng làm quen tin học, ngoại ngữ với các thiết bị phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ của trẻ em. 01 phòng thư viện cho bé với diện tích 48m² với nhiều tư liệu và trang thiết bị phong phú hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, có khu ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, có đủ trang thiết bị, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các phòng học có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD trẻ; có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng tin học, ngoại ngữ, 01 phòng thư viện đảm bảo diện tích với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường định kỳ rà soát, xây dựng kế hoạch tu sửa nâng cấp, bổ sung các thiết bị dạy học học liệu vào các phòng ban.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm 2025	200.000.000 đồng.
CBQL, GV, NV tuyên truyền vận động tài trợ các nguồn hỗ trợ trang cấp bổ sung các thiết bị dạy học cho các phòng học.	CBQL, GV, NV	Thư ngỏ Kế hoạch	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD.	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục kiên cố;

c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ nước máy và nguồn nước sạch từ nguồn nước giếng khoan, được qua hệ thống máy lọc nước đảm bảo điều kiện phục vụ ăn uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và trẻ. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT ngày 15/5/2016 của BGD&ĐT và Bộ y tế; có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác và xử lý rác hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [3.3-01], [H3- 3.3-02]; hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ các hoạt động của trường [3.3-03], [H3- 3.3-04]; hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường đảm bảo theo các quy định hiện hành: Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 08/2018/TT-BCA, ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC, Thông tư số 150/2020/TT-BCA, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an và luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 [H3-3.3-05]. Trường có hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc đầy đủ với điện thoại và mạng internet phục vụ nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các hoạt động khác trong nhà trường [H3-3.3-06]; Khu thu gom rác thải của trường được bố trí hợp lý, cuối hướng gió thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường [3.3 -01].

Khối phòng hành chính quản trị [3.2-01] ; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-02] ; khối phòng tổ chức ăn [3.2-05] ; khối phụ trợ [3.2-06] được xây dựng kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 100% và cấp công trình xây dựng (sân vườn, đường nội bộ, hàng rào...) đạt cấp IV.

14/14 nhóm, lớp có thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.3-08]. Hằng năm nhà trường lựa chọn đồ chơi, học liệu theo thông tư 47/2020/TT-BGDĐT, chỉ đạo các nhóm, lớp làm đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phù hợp với các chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.2-08], [3.3-07].

Mức 2

Các hạng mục công trình khối phòng hành chính quản trị [3.2-01]; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-02]; khối phòng tổ chức ăn [3.2-05]; khối phụ trợ [3.2-06] được xây dựng kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ kiên cố đạt 100%

Mức 3

Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình khối phòng hành chính quản trị [3.2-01]; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-02]; khối phòng tổ chức ăn [3.2-05]; khối phụ trợ [3.2-06] được xây dựng kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 100% và cấp công trình xây dựng đạt cấp IV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 100% và cấp công trình xây dựng đạt cấp IV. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cấp điện đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch và điện phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường được bổ xung và được các cấp kiểm tra đánh giá hằng năm đảm bảo theo quy định, hạ tầng công nghệ thông tin với đầy đủ trang thiết bị hiện đại: Mạng internet, máy tính, máy chiếu, phòng họp trực tuyến....phục vụ hoạt động quản lý cũng như hoạt động dạy học. Khu thu gom và xử lý rác thải được quy hoạch bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp huy điểm mạnh khắc phục điểm yếu	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí.	Trong năm 2025	100 triệu đồng

Nhà trường định kỳ rà soát, xây dựng kế hoạch tu sửa nâng cấp, bổ sung các thiết bị dạy học học liệu vào các phòng ban.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm 2025	
---	------	--	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Trung tâm và các điểm trường đặt tại các đội bản, khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi. Trường có quy mô 14 nhóm/ lớp, học sinh được phân chia theo độ tuổi theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho trẻ vượt quy định. Có tường xây bao quanh trung tâm và điểm trường đảm bảo an toàn cho trẻ. Nhà trường có hệ thống bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây xanh sạch đẹp dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập. Các khu vui chơi, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục thể chất với đủ đồ dùng đồ chơi và trang thiết bị theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời, có nhiều đồ chơi tự tạo cho trẻ hoạt động tích cực hiệu quả.

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phụ trợ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT.

Các phòng sinh hoạt chung đảm bảo đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, có khu ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, có đủ trang thiết bị, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Hệ thống chiếu sáng của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng tin học, ngoại ngữ; 01 phòng thư viện đảm bảo diện tích với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định.

Nhà trường có tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 100%, các cấp công trình xây dựng đạt cấp IV. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cấp điện đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch và điện phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường đảm bảo theo các quy định hiện hành và luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Hạ tầng công nghệ thông tin với đầy đủ trang thiết bị hiện đại: Mạng internet, máy tính, máy chiếu, phòng họp trực tuyến....phục vụ hoạt động quản lý cũng như hoạt động dạy học. Khu thu gom và xử

lý rác thải được quy hoạch bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1:3/3

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2:2/2

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3:2/2

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

“Giáo dục trẻ em là việc chung của gia đình, trường học và xã hội, phải cùng nhau phụ trách”, làm theo lời Bác dạy, công tác XHH luôn được nhà trường chú trọng đổi mới và nhận được sự ủng hộ tích cực của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, phụ huynh và của CBQL, GV, NV trong nhà trường. Qua đó xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường-Gia đình-Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ CSGD trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi, phối kết hợp với cha mẹ trẻ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh-sạch-đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường được thành lập hằng năm và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011, gồm: 01 trưởng ban, 01 phó ban, 1 ủy viên, 14/14 nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhóm/lớp [H1-1.1-06]; [4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, lớp có kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo năm học [H1-1.1-06].

Hằng năm Ban đại diện cha mẹ trẻ em triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo kế hoạch, các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, lớp có hiệu quả cao: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh, phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm giáo dục, tổ chức lễ hội và các hoạt động phối hợp khác quy định trong Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.1-06]; [4.1-01].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục trẻ [H1-1.1-06]; tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động CSGD trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, tổ chức các ngày lễ trong năm như: Tổ chức tết trung thu, trải nghiệm tham quan các di tích lịch sử, trải nghiệm hội xuân, tuần lễ dinh dưỡng, ngày hội nghệ thuật, làm các loại bánh, giao lưu "Tôi yêu Việt Nam", xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, xây dựng trường học hạnh phúc... Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến Pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục tới cha mẹ trẻ em như: Xây dựng mô hình trường học hạnh phúc với các hoạt động trải nghiệm kết hợp cùng cha mẹ trẻ em tham gia tổ chức thu hút được sự quan tâm của các ban ngành trên địa bàn xã [H1-1.1-06]; nhà trường luôn chủ động hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến Pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ về chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ hộ nghèo [H1-1.3-03].

Mức 3

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em, huy động được 863 triệu đồng và đóng góp 2.508 công lao động để bổ

sung CSVc, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.1-06].

1. Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định, có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động CSGD trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới cha mẹ trẻ em. Tích cực hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ, ngày công lao động, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ toàn diện.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức họp cha mẹ trẻ em của các lớp/trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ trẻ em.	CBQL, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Không
Thảo luận và xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Ban đại diện cha mẹ trẻ	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Không
Phát huy vai trò của cha mẹ trẻ em thực hiện kế hoạch của nhà trường và của ban đại diện cha mẹ trẻ em	Cha mẹ trẻ em và người nuôi dưỡng trẻ	Các hoạt động phối hợp nuôi dưỡng CSGD		Không
Tiếp tục phối hợp nhà trường huy động các nguồn lực để tu bổ, sửa chữa, xây mới csvc	CBQL, GV, CMTE các nhóm, lớp	Kế hoạch hoạt động của BDDCMTE	Trong các năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Huy động 150-200 triệu/năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;

Mức 1:

a) Tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, kế hoạch duy trì Phổ cập Giáo dục trẻ năm tuổi. Tham mưu huy động trẻ trong độ tuổi đến trường [H4-4.2-01], tham mưu xây dựng mạng lưới quy mô trường lớp [H4-4.2-02], tham mưu vận động tài trợ xã hội hóa [4.2-03], kế hoạch thực hiện đề án tăng cường tiếng Việt, kế hoạch thực hiện chuyên đề "Tôi yêu Việt Nam", "Xây dựng Trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm" [H4-4.2-04].

Hằng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường nhiều hình thức như: Phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng làm tốt công tác tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/đội bản, trao đổi với cha mẹ trẻ em thông qua giờ đón, trả trẻ hằng ngày qua các buổi họp cha mẹ trẻ em [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06].

Nhà trường tích cực tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương để huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường. Trong 05 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, nhà trường làm tốt công tác XHD GD huy động các nguồn lực cho công tác giáo dục tại đơn vị với tổng kinh phí 863 triệu đồng và 2.508 ngày công lao động của cha mẹ trẻ em, cụ thể: Năm học 2020-2021 huy động 150 triệu đồng và 468 công lao động; năm học 2021-2022 huy động 123 triệu đồng, với 490 công lao động; năm học 2022-2023 huy động 180 triệu đồng với 500 công lao động; năm học 2023-2024 huy động 160 triệu đồng với 450 công lao động; năm học 2024-2025 tính đến tháng 02 năm 2025 huy động 250 triệu đồng và trên 600 công lao động để tu sửa, cải tạo cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức các hoạt động trải nghiệm giáo dục và lễ hội trong năm học (tết trung thu, trải nghiệm tết mùa xuân, tuần lễ dinh dưỡng cho trẻ, tham quan các di tích lịch sử...) và phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm giáo dục [H1-1.3-03].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H1-1.3-03]; huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp [H4-4.2-01]; tham mưu xây dựng mạng lưới quy mô trường lớp [H4-4.2-02], tham mưu vận động tài trợ xã hội hóa [4.2-03] kế hoạch thực hiện đề án tăng cường tiếng Việt, kế hoạch thực hiện chuyên đề "Tôi yêu Việt Nam", "Xây dựng Trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm" [H4-4.2-04].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ do ngành và địa phương tổ chức. Phối kết hợp tốt với các tổ chức trong nhà trường như: Đoàn Thanh niên, Công đoàn để tổ chức các đợt giao lưu văn nghệ như: Hội thi bé khỏe bé ngoan, hoạt động trải nghiệm ngày Tết, ngày hội thể thao của bé, ngày hội văn hoá các dân tộc, ngày tết trung thu, ngày 20/10, 20/11, 8/3, ngày hội đến trường của bé, tổ chức trung thu cho trẻ, trải nghiệm chúng tôi là chiến sĩ, trải nghiệm làm các loại bánh, giao lưu "Tôi yêu Việt Nam" các hoạt động lễ hội, phù hợp với truyền thống địa phương [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06]; [4.2-07].

Mức 3

Nhà trường tích cực, chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường được UBND huyện công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá từ năm 2019-2023 [H4-4.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục, thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp, đáp ứng với yêu cầu CSGD trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, tổng số kinh phí huy động trong 05 năm 863 triệu đồng và 2.508 công lao động của cha mẹ trẻ em để bổ sung CSVC, xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, trải nghiệm giáo dục phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường được UBND huyện công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá từ năm 2019-2023.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện phù hợp với truyền thống của địa phương.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Không
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục.	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Không
Nhà trường tiếp tục duy trì kết quả đã đạt được, mặt khác làm tốt công tác tuyên truyền và vận	CBQL, GV, NV, Ban đại	Tuyên truyền,	Năm học 2024-2025 và	Huy động 150-200

động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn ủng hộ kinh phí để xây dựng CSVC và tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.	điện cha mẹ trẻ em	vận động	những năm tiếp theo	triệu/năm
--	--------------------	----------	---------------------	-----------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Hàng năm, nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ. Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Chủ động phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

Nhà trường tham mưu các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn huy động được 863 triệu đồng và 2.508 ngày công lao động của cha mẹ trẻ em để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn của trường kiểm định chất lượng, đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Trường được UBND huyện công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá từ năm 2019-2023.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 02/02.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 02/02.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 02/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, CSGD trẻ

Mở đầu

Chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm và giữ vai trò vô cùng quan trọng và có ý nghĩa đặc biệt đối với mỗi gia đình và Trường Mầm non. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng luôn được nhà trường đặt lên hàng đầu. Để chất lượng giáo dục toàn diện của trẻ ngày một nâng cao, nhà trường luôn tích cực đổi mới công tác quản lý, công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với khả năng của trẻ, văn hóa địa phương, với thực tế của trường; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy

trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ, đa dạng về hình thức, linh hoạt vận dụng phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với cơ sở y tế của địa phương thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định, phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có hướng phục hồi phòng chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Hàng năm số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN là 100%.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình GDMN

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;*
- b) Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Căn cứ văn bản hợp nhất số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non, cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp khả năng của trẻ, điều kiện thực tiễn của nhà trường và bối cảnh của địa phương **và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo đúng**

kế hoạch [H1-1.2-07]; sau khi HĐ thẩm định nhất trí Chương trình giáo dục được nhà trường công khai trên Website của trường [1.1-03].

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp quy định về chuyên môn, phù hợp với thực tế của nhà trường [H1-1.2-07]; trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục của các lớp theo năm học, tháng/ chủ đề/ tuần phù hợp với thực tế nhóm, lớp, của nhà trường, khả năng nhận thức của trẻ và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.6-04].

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN thông qua HĐ thẩm định, HĐ đánh giá các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm, đánh giá trẻ hàng ngày, chủ đề, tròn tháng, cuối mỗi độ tuổi. Từ đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với trẻ [H1-1.2-07].

Mức 2

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ và điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.2-07]. Triển khai kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày hiệu quả [H1-1.6-04].

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, lựa chọn các mục tiêu, nội dung, xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề, phù hợp với điều kiện của nhóm lớp đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ và phù hợp với văn hóa địa phương [H1-1.2-07]. Tích cực tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện thông qua tổ chức phong phú hoạt động học qua trải nghiệm phù hợp với địa phương phù hợp quy định về chuyên môn của Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, điều kiện của nhà trường đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi [1.8-01]; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ của trẻ [H1-1.3-03].

Mức 3

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành [H1-1.2-07], đồng thời tham khảo phương pháp giáo dục tiên tiến như STEM/STEAM ứng dụng vào việc xây dựng môi trường và tổ chức các hoạt động cho trẻ nhằm kích thích trẻ tham gia tư duy, sáng tạo... tuy nhiên việc áp dụng hiệu quả chưa cao; đưa công nghệ số vào Chương trình giáo dục qua việc tổ chức các hoạt động như cho trẻ làm quen với toán, làm quen chữ cái, các video thiết kế bài giảng qua việc sử dụng công nghệ AI, hoạt động phòng tin học hiệu quả phù hợp với thực tiễn của trường địa phương [1.8-01]; [4.2-07].

Hàng năm có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ; tuy nhiên việc vận dụng tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới áp dụng hiệu quả chưa cao [H1-1.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng, phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp khả năng của trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường và xu thế phát triển giáo dục của thế giới; định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. Hàng năm nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

2. Điểm yếu:

Việc vận dụng tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới áp dụng hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện và phát triển chương trình GDMN. Đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Chương trình GDMN; Bồi dưỡng chuyên môn CBQL, giáo viên	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không
Tiếp tục tham khảo và áp dụng Chương trình giáo dục của các nước trong	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt	Bồi dưỡng chuyên môn CBQL, giáo	Trong các năm học tiếp theo.	Không

khu vực và thể giới đúng quy định vào tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.	cán.	viên theo chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT, của nhà trường		
--	------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới giáo dục, vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo các mục tiêu, nội dung giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.6-04]; [H1-1.2-07].

Nhà trường tích cực chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo chủ đề tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Thư viện thân thiện của bé, khu sáng tạo khoa học, nghệ thuật theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu cổ tích, vườn cây của bé theo hướng mở, an toàn, tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ đều có cơ hội vui chơi, khám phá, trải nghiệm, sáng tạo [4.2-07].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng

phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động học, hoạt động chơi, lao động tự phục vụ, tham quan di tích lịch sử, trải nghiệm tuần lễ dinh dưỡng... [4.2-07].

Mức 2

Nhà trường có kế hoạch tổ chức cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-5.2-01]; trẻ được trải nghiệm ở thư viện của bé, khu sáng tạo khoa học, nghệ thuật theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu cổ tích, vườn cây, vườn rau, vườn hoa, chơi trò chơi. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, trải nghiệm lễ hội, ngày hội nghệ thuật, tuần lễ dinh dưỡng và rất nhiều các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [4.2-07].

Mức 3

Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng, khai thác hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích trẻ hứng thú như: Thư viện của bé, khu sáng tạo nghệ thuật, công nghệ theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu cổ tích, chăm sóc vườn rau, vườn hoa, chơi trò chơi; tổ chức các ngày lễ ngày hội với nhiều hoạt động phong phú, cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, các hoạt động trải nghiệm ngày hội nghệ thuật, tuần lễ dinh dưỡng. Tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [4.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm/lớp và điều kiện thực tế. Chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới giáo dục, vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo các mục tiêu, nội dung giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao. Tích cực tôn tạo cảnh quang môi trường, xây dựng đa dạng các khu vực cho trẻ trải nghiệm, vui chơi học tập phù hợp với điều kiện thực tế. Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo giáo viên phát triển chương trình giáo dục	CBQL, tổ trưởng,	Điều kiện thực tế của	Trong năm học 2024-	Không

nhà trường hiệu quả phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ trong lớp, điều kiện nhà trường, địa phương.	giáo viên cốt cán.	nhà trường, kế hoạch giáo dục của nhà trường, của trẻ.	2025 và các năm tiếp theo.	
Chỉ đạo giáo viên vận dụng sáng tạo các tiêu chí xây dựng Trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm trong xây dựng, khai thác hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Kế hoạch giáo dục nhà trường, nhóm, lớp.	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường phối hợp hiệu quả với Trạm y tế xã Thanh An tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Kiểm tra sức khỏe, tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh; chăm sóc mắt học đường; chăm sóc sức khỏe răng miệng;

phòng, chống tật cong, vẹo cột sống; phòng chống giun sán; bảo đảm an toàn thực phẩm; phòng, chống bạo lực học đường cho trẻ trong nhà trường [H5-5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [5.3-02]; kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ tính đến thời điểm tháng 02 năm học 2024-2025: **Cân nặng bình thường 319/325 trẻ đạt 98,2%, số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 6/325 trẻ chiếm 1,8%. Chiều cao bình thường 317/325 trẻ đạt 97,5%, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 8/325 trẻ chiếm 2,5%; tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao bình thường 214/223 đạt 95,9%. Tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao suy dinh dưỡng thể gầy còm 9/223 chiếm 4,1%; Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 10% xuống còn 1,8%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân mức độ nặng giảm từ 6% xuống còn 0%. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 10,3% xuống còn 2,5%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm mức độ nặng giảm từ 3,2 % xuống 0%. Tỷ lệ trẻ có BMI bình thường 92/92 đạt 100%; tỷ lệ trẻ có BMI suy dinh dưỡng thể gầy còm 0/92 chiếm 0 % [H5-5.3-03].**

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch y tế học đường, trong đó chú trọng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ở các lớp. 100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và được cải thiện. Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, tỷ lệ calo đạt từ 615-726 Kcal, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy, trẻ thấp còi, suy dinh dưỡng [H5-5.3-04].

Mức 2

Nhà trường chú trọng tới công tác tư vấn, tuyên truyền cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ thực hiện các chỉ thị, công văn hướng dẫn của các cấp về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ như: Cách chăm sóc trẻ khoa học, thực hiện nghiêm túc phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm (chân tay miệng, thủy đậu, sốt xuất huyết, sởi rubella....) thông qua các buổi họp phụ huynh, zalo của nhóm lớp, bảng tuyên truyền hoặc trao đổi trực tiếp vào giờ đón và trả trẻ [H5-5.3-05]

Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định, cụ thể trẻ nhà trẻ gồm hai bữa ăn chính và một bữa ăn phụ, mẫu giáo một bữa ăn chính và một bữa ăn phụ, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa và tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Thực đơn của trẻ được nhà trường xây dựng theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại quyết định số

777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 [5.3-06].

Nhà trường đảm bảo 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện. Tính đến thời điểm tháng 02 năm học 2024-2025: Cân nặng bình thường 319/325 trẻ đạt 98,2% , số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 6/325 trẻ chiếm 1,8%. Chiều cao bình thường 317/325 trẻ đạt 97,5%, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 8/325 trẻ chiếm 2,5%; tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao bình thường 214/223 đạt 95,9%. Tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao suy dinh dưỡng thể gầy còm 9/223 chiếm 4,1%; **Tỷ lệ trẻ có BMI bình thường 92/92 đạt 100%**; tỷ lệ trẻ có BMI suy dinh dưỡng thể gầy còm 0/92 chiếm 0 %; **Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 10% xuống còn 1,8%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân mức độ nặng giảm từ 6% xuống còn 0%. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 10,3% xuống còn 2,5%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm mức độ nặng giảm từ 3,2 % xuống 0% [H5-5.3-04].**

Mức 3

Hàng năm nhà trường đều có trên 95% trẻ khỏe mạnh về chiều cao, cân nặng phát triển bình thường. Tính đến thời điểm tháng 02 năm học 2024-2025 có trên 97% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường theo độ tuổi Cân nặng bình thường 319/325 trẻ đạt 98,2% , số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 6/325 trẻ chiếm 1,8%. Chiều cao bình thường 317/325 trẻ đạt 97,5% , trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 8/325 trẻ chiếm 2,5%; tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao bình thường 214/223 đạt 95,9%. Tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao suy dinh dưỡng thể gầy còm 9/223 chiếm 4,1%; **Tỷ lệ trẻ có BMI bình thường 92/92 đạt 100%**; tỷ lệ trẻ có BMI suy dinh dưỡng thể gầy còm 0/92 chiếm 0 % [H5-5.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã Thanh An tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, thực hiện nghiêm túc tiêm phòng các bệnh dịch thường gặp ở trẻ em, uống vitamin A, tẩy giun. **Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tình trạng suy dinh dưỡng, thấp còi của trẻ được cải thiện so với đầu năm học. Số trẻ có cân nặng bình thường 319/325 đạt 98,2%, Chiều cao bình thường 317/325 trẻ đạt 97,5%. Tỷ**

trẻ có BMI bình thường 92/92 đạt 100%; tỷ lệ trẻ có BMI suy dinh dưỡng thể gầy còm 0/92 chiếm 0 %

3. Điểm yếu:

Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có cân nặng/chiều dài/chiều cao suy dinh dưỡng thể gầy còm chiếm 4,1%; Tỷ lệ trẻ có BMI suy dinh dưỡng thể gầy còm chiếm 2,4%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phối hợp với Trạm y tế xã Thanh An khám sức khỏe định kỳ tổ chức tiêm phòng dịch bệnh, uống vitamin A, tẩy giun.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y tế	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Trạm y tế xã Thanh An	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Tuyên truyền phối kết hợp với cha mẹ trẻ để có biện pháp phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, y tế, giáo viên, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch y tế	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục tuyên truyền, tăng cường phòng dịch, tiêm phòng dịch bệnh theo mùa, phòng chống dịch bệnh theo mùa, chăm sóc mắt học đường, chăm sóc sức khỏe răng miệng, phòng chống tật cong vẹo cột sống	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y tế	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Trạm y tế xã Thanh An	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới

5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ. Tính đến thời điểm tháng 02 năm học 2024-2025 tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 100% (vượt tiêu chuẩn 5%), trẻ dưới 5 tuổi đạt 96,1 (vượt tiêu chuẩn 6,1%) [H5-5.4-01].

100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hằng năm đều hoàn thành chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành [H5-5.4-02].

Năm học 2022-2023 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.5-03], thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định; các năm học còn lại nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập. Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung CSGD phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ [H1-1.3-03].

Mức 2

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần. Tính đến thời điểm tháng 02 năm học 2024-2025 tỷ lệ chuyên

cần của trẻ 5 tuổi đạt 100% (**vượt tiêu chuẩn 5%**), dưới 5 tuổi đạt 96,1 (vượt tiêu chuẩn 6,1%) [H5-5.4-01].

Hàng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Tính đến thời điểm tháng 02 năm học 20224-2025 nhà trường có tổng số 83 trẻ 5 tuổi đang học chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-02].

Năm 2022-2023 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật (dạng khuyết tật khác) học hoà nhập, 100% trẻ khuyết tật của nhà trường được đánh giá có tiến bộ [H1-1.5-03].

Mức 3

Hàng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN (**vượt 3%** so với tiêu chuẩn mức 3) [H5-5.4-02].

Năm 2022-2023 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật, 100% trẻ khuyết tật của nhà trường được đánh giá có tiến bộ [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác huy động trẻ ra lớp, duy trì trẻ chuyên cần đạt tỷ lệ cao, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần trẻ mẫu giáo 5 tuổi **đạt 100% (vượt 5% so với tiêu chuẩn mức 3)**, trẻ dưới 5 tuổi **đạt 96,1% (vượt 6,1% so với tiêu chuẩn mức 3)**. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN (vượt 3% so với tiêu chuẩn mức 3). Năm 2022-2023 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật (dạng khuyết tật khác) học hoà nhập, 100% trẻ khuyết tật được đánh giá có tiến bộ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục phong phú, duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ.	CBQL, giáo viên, y tế.	Sổ theo dõi trẻ	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Chỉ đạo giáo viên tích cực thực hiện tốt chuyên đề nâng cao chất lượng chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1, đáp ứng cầu liên thông chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.	CBQL, giáo viên, cha mẹ trẻ em	Chương trình giáo dục nhà trường năm 2024-2025	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình GDMN bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Xây dựng và khai thác hiệu quả môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Năm học 2022-2023 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật (dạng khuyết tật khác) học hoà nhập được đánh giá có tiến bộ. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã Thanh An tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, **có biện pháp can thiệp phục hồi, hiệu quả, tính đến thời điểm đánh giá có trên 97% trẻ đạt chiều cao và cân nặng phát triển bình thường trở lên**. Chế độ dinh dưỡng của trẻ được nhà trường xây dựng phù hợp với độ tuổi, đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện. Trong các năm học nhà trường thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 96,1 %, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 4/4

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 4/4

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 4/4

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Chương trình GDMN, các CBQL, giáo viên cốt

cán đã áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới như phương pháp dạy học STEM/STEAM để xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ em và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.2-07]; [1.8-01]; Chương trình giáo dục đã góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp khả năng nhận thức của trẻ em và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ.

3. Điểm yếu: Việc vận dụng tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới áp dụng hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục áp dụng có hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới như STEM/STEAM xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn CBQL, giáo viên	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không
Tạo điều kiện cho CBQL, giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng kiến thức về phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước để áp dụng vào thực hiện Chương	CBQL, giáo viên	Kế hoạch học tập bồi dưỡng	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không

trình giáo dục nhà trường.				
Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tập trung vào áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; Đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó ít nhất 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 96% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên, trong đó mức tốt là từ 32,1% đến 50% cụ thể: năm học 2019-2020, mức tốt 12/28 đạt 42,8%, mức khá 15/28 đạt 53,5%, mức đạt 1/28 đạt 3,57%; năm học 2020-2021: mức tốt 9/28 đạt 32,1%, mức khá 18/28 đạt 64,3%, mức đạt 1/28 đạt 3,57%; năm học 2021-2022: mức tốt 10/29 đạt 34,5%, mức khá 19/29 đạt 65,5%; năm học 2022-2023: mức tốt 14/28 đạt 50%, khá 14/28 đạt 50%; năm học 2023-2024: mức tốt 10/28 đạt 35,7%, khá 18/28 đạt 64,3 % [H2-2.2-02].

Hằng năm, nhà trường luôn tổ chức cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; bồi dưỡng, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi từ cấp trường trở lên là 25/29 giáo viên đạt 86,2%, trong đó: Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2/29 đạt 6,8%; giáo viên dạy giỏi cấp huyện 9/29 đạt 31%; giáo viên dạy giỏi cấp trường 14/29 đạt 48,3%; tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn là 28/29 giáo viên đạt 96,5%. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 86,2%. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu:

Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên của nhà trường được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức tốt mới đạt từ 32,1% trở lên, có 01 năm đạt 50%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	CBQL, giáo viên.	Luật Giáo dục năm 2019	Trong năm học 2024-2025	Không
Đổi mới nội dung và hình thức bồi dưỡng nâng chuẩn nghề nghiệp GVMN.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học 2024-2025	Không
Tiếp tục tổ chức tốt hội thi giáo viên giỏi cấp trường theo quy định	CBQL, giáo viên.	Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT quy định về hội thi giáo viên dạy giỏi	Trong năm học 2024-2025	Không
Tăng cường bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở các nhóm lớp với nhiều hình thức khác nhau: Cấp tổ, cấp trường; tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng về phương pháp giáo dục tiên tiến hiện nay	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên; kế hoạch tổ chức hội thi giáo viên giỏi cấp trường	Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	Không

Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích 2.150m² bình

quân 6,6m²/trẻ gồm sân chơi chung với diện tích 720m² (bình quân 2,2m²/trẻ) và sân vườn cho trẻ trồng trọt, chăm sóc với diện tích 1.331,5m² (bình quân 4,1m²/trẻ), sân chơi riêng có diện tích 98,5m² (bình quân 0,3m²/trẻ), khu trải nghiệm, sân khấu ngoài trời được trải thảm cỏ và sử dụng để tổ chức các trò chơi vận động và các hoạt động trải nghiệm giáo dục đa dạng phong phú: Thư viện thân thiện, khu vui chơi trải nghiệm giao thông, khu trải nghiệm nghệ thuật, khoa học theo STEM/STEAM, có bể cát nước, đường chạy cho trẻ vận động... Sân chơi bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh tạo bóng mát sân trường có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường có vườn cây có nhiều loại cây rau, hoa quả phong phú, quy hoạch khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ chăm sóc khám phá: Trẻ được tham gia trồng, chăm sóc cây và thu hoạch rau, quả [3.1-02]. Có đủ đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị cho trẻ hoạt động và được sắp xếp khoa học phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [1.6-02].

2. Điểm mạnh

Trường có sân vườn và khu vực cho trẻ chơi đạt chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non, các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi trang thiết bị theo quy định đảm bảo an toàn và tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thực lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp trên và đổi mới công tác xã hội hoá giáo dục trang cấp thêm đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện	CBQL, giáo viên	Tờ trình tham mưu; Kế hoạch vận động tài trợ	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	300.000.000đ
Tham mưu với chính quyền địa phương có phương án mở rộng	CBQL	Tờ trình tham mưu với UBND xã.	Trong năm học 2024-2025 và	100.000.000đ

diện tích sân vườn.			các năm tiếp theo.	
---------------------	--	--	--------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố có 29/29 phòng đạt 100%, các khối phòng nuôi dưỡng CSGD, phòng hành chính quản trị, phòng phục vụ học tập có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Nhà trường có phòng và khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ em nhưng chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 2 môn thể thao phù hợp với trẻ. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý [3.2-01]; [3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính quản trị; phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ và khối phòng phụ trợ. Các khối phòng nuôi dưỡng CSGD, phòng hành chính quản trị, phòng phụ trợ có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ. Có phòng và khu vực riêng để phát triển vận động cho trẻ với đầy đủ các đồ dùng dụng cụ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có khu vực tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với Phòng GD&ĐT bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Tháng 12, tháng 12 năm 2024 và những năm tiếp theo	500.000.000 đồng.
Tham mưu với chính quyền địa phương mở rộng diện tích đất	CBQL	Tờ trình.	Tháng 2 năm 2025	1.000.000.000 đồng

xây dựng phòng tư vấn tâm lý và sân để tổ chức hoạt động thể thao cho trẻ				
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD.	Tháng 11, tháng 12 năm 2024 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường về quy mô trường lớp, cơ sở vật chất, nhà trường có 29/29 phòng xây dựng kiên cố đạt 100; phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác xã hội hóa huy động nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường, các hoạt động phù hợp với văn hóa địa phương, đảm bảo tính khả thi. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường liên tục hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ (từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024) trong đó có 01 năm được UBND tỉnh tặng bằng khen, 04 năm được UBND huyện tặng giấy khen [H1-1.2-01].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 1 năm học liên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được tặng bằng khen của UBND tỉnh.

3. Điểm yếu: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác tham mưu xây dựng lớp học và đổi mới	CBQL, giáo viên	Kế hoạch XHH GD	Năm học 2024-2025	1.000.000.000đ

công tác XHH GD huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nhà trường về cơ sở vật chất, trang thiết bị giúp nhà trường hoàn thiện các mục tiêu đã đưa ra theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.			và các năm tiếp theo	
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường	CBQL, GV, NV	Kế hoạch phát triển nhà trường (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn)	Từ năm học 2024-2025 đến năm 2029-2030	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận. Cụ thể: Năm học 2022-2023 trường UBND tỉnh tặng bằng khen [H1-1.2-01].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận là trường tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua, luôn đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập được UBND tỉnh tặng bằng khen.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng các giải	CBQL, GV,	Sáng kiến	Trong năm	Không

pháp sáng tạo để đạt và vượt các chỉ tiêu, mục tiêu trong các năm học.	NV trong nhà trường		học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	
Làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương cũng như lãnh đạo cấp trên để thực hiện tốt các chỉ tiêu, mục tiêu nhà trường đặt ra.	CBQL	Tờ trình	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không
Phát huy vai trò của cha mẹ trẻ em trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục	CBQL, GV, NV trong nhà trường, phụ huynh, trẻ	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch hoạt động ban đại diện cha mẹ trẻ em	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không
CBQL, GV, NV tập trung huy động nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ đạt kết quả giáo dục vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng	CBQL, GV, NV	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch vận động tài trợ	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không

6. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận về Mức 4:

Nhà trường đã áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, tính đến thời điểm đánh giá có 96% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên.

Trường có sân vườn và khu vực cho trẻ chơi, các góc chơi, khu vực hoạt

động trong và ngoài nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi trang thiết bị theo quy định đảm bảo an toàn và tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường có đủ khối phòng hành chính, phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ và khối phòng phụ trợ. Các khối phòng nuôi dưỡng CSGD phòng hành chính quản trị, phòng phục vụ học tập có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ.

Tính đến thời điểm đánh giá cơ bản nhà trường hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Trong 5 năm học liên tiếp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ; có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận, có 01 năm học được tặng bằng khen của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, việc vận dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới hiệu quả chưa cao. Tỷ lệ giáo viên của nhà trường được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức tốt mới đạt từ 35,7%. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường vẫn còn 1/28 phòng xây bán kiên cố chiếm tỷ lệ 3,6%, chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 2 môn thể thao phù hợp với trẻ, nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý.

- *Tổng số tiêu chí của mức 4: 6 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/6 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 4/6 tiêu chí*

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2020-2021 đến nay, Trường Mầm non xã Thanh An luôn duy trì, củng cố và nâng cao các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Nhiều năm liên tiếp thể nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và được UBND tỉnh Điện Biên tặng bằng khen. Nhà trường không ngừng phát triển ổn định, bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường hằng năm đều được được đầu tư, bổ sung thường xuyên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ ngày càng cao, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh-sạch-đẹp-an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều

giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. Có 96,9% cán bộ, giáo viên nhà trường có đạt trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Chất lượng CSGD trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đều đạt kết quả cao trên 98%, trong đó có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Nhà trường luôn tích cực đổi mới công tác XHH GD phù hợp với địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Tích cực tham mưu với cấp trên hỗ trợ kinh phí tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương, các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi. Những năm học qua nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học và nhận được nhiều bằng khen của UBND tỉnh, giấy khen UBND huyện và LĐLĐ huyện.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, của Đảng uỷ chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, trẻ, phụ huynh của nhà trường. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình 5 tiêu chuẩn, 22 tiêu chí. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng CSGD trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá Trường Mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 22/22 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 2

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 21/21 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 3

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 15/15 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 4

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/6 tiêu chí đạt 33,3%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 4/6 đạt 66,7%

*** Trường Mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với Trường Mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với Trường Mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, Trường Mầm non xã Thanh An huyện Điện Biên đạt mức 2.

Trường Mầm non xã Thanh An đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Phần IV. PHỤ LỤC

(Có danh mục mã hóa minh chứng kèm theo)

Thanh An, ngày 3 tháng 02 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ



Mai Thị Phương